| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PT**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 167/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2023
*V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thành Thuận

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên

2. Bà Huỳnh Thị Thể Phượng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký viên Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT chính thức:*** Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 408/2022/TLST- HNGĐ, ngày 08/11/2022 tranh chấp Hôn nhân và gia đình về "*ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 52/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 06/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thùy T, sinh năm 1981. Nơi cư trú: ấp Hòa B3, xã HL, huyện PT, tỉnh An Giang. (đề nghị vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Tùng E, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp Hòa B3, xã HL, huyện PT, tỉnh An Giang.(vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải được chị Phạm Thị Thùy T có lời trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu nhau đi tới hôn nhân và có tổ chức lễ cưới, sống một thời gian mới đăng ký kết hôn tại UBND xã HL, huyện PT vào ngày 12/12/2012 theo quy định. Anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn với nhau. Lý do: vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, chị T cho rằng anh Tùng E lúc nhậu về nhà thường

ghen tuông và có lần đánh vào hàm, mặt của chị và thường xuyên cự cãi nhau anh Tùng E không lo làm kiếm tiền để phụ tiếp gia đình nên ảnh hưởng đến việc vợ chồng cự cãi nhau thường xuyên; có lúc chị đi làm về trễ có điện thoại về báo hoặc làm việc khác về trễ nhưng anh Tùng E không đồng ý mà đi đến nơi làm ăn tìm kiếm làm ảnh hưởng đến công việc của chị do chung sống mà không tin tưởng nhau trong cuộc sống. Thời gian sau đó vào ngày 8/11/2022 anh Tùng E đuổi chị ra khỏi nhà không cho ở chung và cảm thấy không thể chung sống với nhau được nữa. Nay chị T cương quyết ly hôn với anh Nguyễn Thanh Tùng E.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 26/7/2005 và Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 20/10/2012 hiện đang sống với chị Trang. Chị Phạm Thị Thùy T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Tùng E phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về quan hệ tài sản chung: khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ phải thu, phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Thanh Tùng E có lời trình bày:* Sau thời gian tìm hiểu nhau và có tổ chức lễ cưới vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HL, huyện PT vào ngày 12/12/2012 theo quy định. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn với nhau. Lý do: vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, anh Tùng E cho rằng chị T đi làm ăn thường xuyên về trễ nữa đêm đang nghi ngờ chị T có người bên ngoài, có khi về nhà bà cô ngủ không có về nhà nên không muốn chị T đi làm về đêm nữa, sợ đi làm ăn thiếu nợ bên ngoài làm ảnh hưởng đến gia đình; do tính cũng nóng nên thường xảy ra cự cãi nhau; nguyên nhân anh cũng không làm ra tiền giúp gia đình, chỉ bán bún cá kiếm sống qua ngày; việc làm của chị T hiện nay anh cũng không biết làm cái gì nên có sự bực tức với chị T. Đồng thời do anh cũng không biết chữ nên không thể đi xa làm kiếm tiền theo yêu cầu của chị T, khi thời gian ở nhà thì chị T thường xuyên ăn nhậu nên xảy ra cự cãi nhau, anh cũng thừa nhận có lần đuổi chị T về cha, mẹ ruột sống đầu năm 2022 cho đến nay. Anh Tùng E yêu cầu Toà án cho anh thời gian khoảng 03 tháng đến 60 tháng đi kiếm việc làm để xây dựng và bù đắp lại gia đình nếu thời gian này không hàn gắn được thì quyết định ly hôn theo yêu cầu của chị T. Nay chị T cương quyết ly hôn thì anh không đồng ý do mẫu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn với nhau và do hiện nay các con chung còn nhỏ.

- Về quan hệ con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 26/7/2005 và Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 20/10/2012 hiện đang sống với chị T. Trường hợp Tòa án chấp nhận cho chị T ly hôn thì tùy nguyện vọng của các con chung, anh Tùng E đồng ý giao cho chị Phạm Thị Thùy T được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và không phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ phải thu, phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đơn anh Nguyễn Thanh Tùng E được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đơn anh Nguyễn Thanh Tùng E vẫn vắng mặt căn cứ Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Tùng E. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị T và anh Tùng E được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, liên quan đến kinh tế gia đình; do anh Tùng E không có mặt cũng không muốn hàn gắn với chị T và ly thân thời gian đầu năm 2022 cho đến nay không hàn gắn được phù hợp với xác nhận của chị Nguyễn Thị Mộng T là em ruột của anh Tùng E nên yêu cầu của chị T về xin ly hôn là có căn cứ pháp luật. Về con chung 02 người con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 26/7/2005 và Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 20/10/2012 hiện đang sống với chị T cần ổn định cuộc sống cho các cháu và phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

*[1]. Về hình thức, thủ tục tố tụng:*

*1.1 Về quan hệ tranh chấp*: Chị Phạm Thị Thùy T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về "*ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*1.2 Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn anh Nguyễn Thanh Tùng E, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp Hòa B3, xã HL, huyện PT, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

*1.3 Về thủ tục tố tụng:* bị đơn anh Nguyễn Thanh Tùng E được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Tùng E vẫn vắng mặt tại phiên tòa; chị T có đơn đề nghị vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Tùng E và chị T.

*[2] Về nội dung tranh chấp:*

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thùy T và anh Nguyễn Thanh Tùng E có đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 13/2012, ngày 12/12/2012 do UBND xã HL, huyện PT, tỉnh An Giang cấp cho anh chị) đây là hôn nhân được pháp luật bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra. Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, hôn nhân của anh chị được xác lập từ năm 2004 trên cơ sở tìm hiểu với nhau tiến tới hôn nhân, thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn

dẫn đến ly thân, lý do thường xuyên cự cãi nhau về đời sống hằng ngày; bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt gia đình về kinh tế gia đình; chị T cho rằng có lúc chị đi làm về trễ có điện thoại về báo trước hoặc làm việc khác về trễ nhưng anh Tùng E không đồng ý mà nghi ngờ chuyện khác làm ảnh hưởng đến công việc của chị do chung sống mà không tin tưởng với nhau anh Tùng E cũng thừa nhận có việc nghi ngờ nêu trên và do tính cũng nóng nên thường xảy ra cự cãi nhau có lần đánh chị T, đuổi ra khỏi nhà cho đến nay. Đồng thời anh cũng xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do không tự làm kiếm tiền lo cho gia đình nên làm phát sinh bất đồng trong cuộc sống vợ chồng, từ khi Toà án hoà giải anh Tùng E yêu cầu cho anh thời gian khoảng 03 tháng đến 60 tháng đi kiếm việc làm để xây dựng và bù đắp lại gia đình nếu thời gian này không hàn gắn được thì quyết định ly hôn theo yêu cầu của chị T nhưng sau đó khi Toà án làm việc thì anh Tùng E tự bỏ về không có ký biên bản của Toà án có thái độ xem thường pháp luật, từ đó cho đến nay Toà án triệu tập cũng không có mặt để tạo điều kiện để hàn gắn, không có thiện chí hàn gắn tình cảm; không còn quan tâm về hôn nhân này, cũng phù hợp với xác nhận của chị Nguyễn Thị Mộng T là em ruột của anh Tùng E là em ruột của anh Tùng E nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2 Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh chị xác nhận có 02 người con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 26/7/2005 và Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 20/10/2012 hiện đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Tùng E cấp dưỡng. Từ khi ly thân cho đến nay cháu T, cháu T V chung sống với chị T được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định và ăn học đầy đủ như bao đứa trẻ khác; anh Tùng E cũng thống nhất khi Toà án chấp nhận cho chị T được ly hôn thì các con chung tuỳ vào nguyện con chung nên phù hợp với các nguyện vọng của cháu T, cháu Thảo V là muốn chung sống với chị T. Từ đó, xét thấy hoàn cảnh và điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chưa thành niên của chị T là đảm bảo, cần giữ ổn định cuộc sống cho các cháu nên HĐXX chấp nhận yêu cầu chị T theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3 Về quan hệ tài sản chung và nợ phải thu, phải trả: Chị Phạm Thị Thùy T và anh Nguyễn Thanh Tùng E khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ, chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

*[3]. Về án phí DSST*: Chị Phạm Thị Thùy T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*[4] Quyền kháng cáo:* Chị Phạm Thị Thùy T và anh Nguyễn Thanh Tùng E có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 3; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thùy T đối với anh Nguyễn Thanh Tùng E.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Thùy T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Tùng E.

2. Về quan hệ con chung:

2.1 Giao 02(hai) người con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 26/7/2005 và Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 20/10/2012 cho chị Phạm Thị Thùy T được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc đến thành niên và tự lập được. Chị Phạm Thị Thùy T tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Thanh Tùng E phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Thanh Tùng E chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

2.2 Chị Phạm Thị Thùy T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở mà phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh Nguyễn Thanh Tùng E đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

2.3 Vì lợi ích của con chung khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí DSST:

3.1 Chị Phạm Thị Thùy T phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng do chị Phạm Thị Thùy T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005730, ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

3.2 Anh Nguyễn Thanh Tùng E không phải chịu án phí.

Chị Phạm Thị Thùy T và anh Nguyễn Thanh Tùng E được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Trần Thành Thuận**